

Bản án số: **93/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-11-2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm P – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 36, đường A, khu phố ĐL, thị trấn ĐL1, huyện BĐ, tỉnh BP.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: số nhà 45, tổ 4, ấp 2, xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ-L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 17/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống một thời gian tại gia đình anh H tại Tổ 4, Ấp 2, xã Đ-L, huyện TP, tỉnh ĐN. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường hay cãi nhau, do đó chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay; từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không sắp xếp được thời gian và công việc nên chị P yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh vẫn không đến Tòa án. Vì vậy, không có lời khai của anh Nguyễn Đức H.

Nguyên đơn đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu, chứng cứ sau đây: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (bản sao); sổ hộ khẩu của nguyên đơn và bị đơn (Bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản tự khai của nguyên đơn; Đơn yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ đề ngày 20-8-2019 của chị P; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ đề ngày 20/8/2019 của chị P; Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 14/10/2019 của chị P. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Đồng thời thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự biết.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; anh H không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm P, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị P. Về hôn nhân: Cho chị P được ly hôn với anh H. Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú tại ấp 2, xã Đ-L, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị P là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên H giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến, yêu cầu của bị đơn, không tiến hành H giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chị P có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ-L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 17/2016 ngày 17/3/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị P trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không H hợp, thường cãi nhau, anh chị đã nói chuyện để H giải đoàn tụ nhưng không thành. Từ khoảng tháng 3/2018 cho đến nay, anh chị đã không còn chung sống và không còn liên hệ quan tâm, chăm sóc nhau. Bản thân anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị P, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng phù hợp với lời khai chị P.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị P và anh H đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị P và anh H không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh H không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh P.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Đức H không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008450 ngày 20-8-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ-L(Số 17/2016 ngày 17/3/2016) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM P – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM P – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồigiờphút, ngày 15 tháng 11 năm 2019
Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm P – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 384/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn” giữa:
Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 36, đường Lê Hồng Phong, khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Long, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số nhà 45, Tổ 4, Ấp 2, xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. THỦ TỤC TỔ TỤNG:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân ông

1/ Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú tại ấp 2, xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị P là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên H giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến, yêu cầu của bị đơn, không tiến hành H giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chị P có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm P – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: 3/3

2/ Về điều luật áp dụng:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân bà Liễu:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm P – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: 3/3

II. NỘI DUNG:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....:

Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh P.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Đức H không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm P – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: 3/3

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....:

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008450 ngày 20-8-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm P – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: 3/3

IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh P.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Đức H không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008450 ngày 20-8-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân.....: Đồng ý.

Ý kiến của Thẩm P – chủ tọa phiên tòa: Đồng ý.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM P – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan